TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24-6-2024
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Hưng Bính

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Vân Anh và ông Nguyễn Thiện Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Thành Huy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Bảng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, số A T, thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 95/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1994; trú tại: F L, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Bích N, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ A, KV5, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác thì bà Hoàng Thị Diễm T1 trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Ngọc T và chị Trần Thị Bích N kết hôn năm 2017 tại phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, giấy kết hôn sô 85/2017. Đến năm 2021 thì chị Trần Thị Bích N đi xuất khẩu lao động ở Nga, anh T đã liên lạc nhiều lần để hỏi địa chỉ nhưng chị N không cung cấp. Xét thấy do ở xa nhau, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không có tình cảm thương yêu nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh Phạm Ngọc T yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị Trần Thị Bích N.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Trần Thị Bích N sau khi thụ lý vụ án vì anh T không thể cung cấp địa chỉ của chị N tại Nga, chị Trần Thị Bích N vẫn giữ liên lạc với mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Phương N1 nhưng không cung cấp địa chỉ cho bà. Nên căn cứ Công văn 253/TANTC-PC của Tòa án nhân dân tối cao Tòa án đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án; Công văn yêu cầu chị Trần Thị Bích N trả lời một số vấn đề cần thiết liên quan đến việc anh T xin ly hôn với chị N cho bà Nguyễn Thị Phương N1 là mẹ của chị N và yêu cầu bà N1 tống đạt lại cho chị N. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Trần Thị Bích N không có văn bản phản hồi cho Tòa án về yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Ngọc T, cũng như không đến tham gia tố tụng tại Tòa án.

Về kiểm sát tuân theo pháp luật về tố tụng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến như sau: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, không có vi phạm gì cần kiến nghị để khắc phục.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, cho anh Phạm Ngọc T được ly hôn với chị Trần Thị Bích N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và qua thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Ngọc T có đơn yêu cầu xin ly hôn với chị Trần Thị Bích N nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn". Chị Trần Thị Bích N hiện trú tại Nga nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã thể hiện được ý chí của anh Phạm Ngọc T về việc giải quyết vụ án. Đối với bị đơn chị Trần Thị Bích N cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tống đạt Công văn yêu cầu chị Trần Thị Bích N trả lời một số vấn đề cần thiết liên quan đến việc anh T xin ly hôn với chị cho bà Nguyễn Thị Phương N1 là mẹ ruột của chị N, yêu cầu bà N1 tống đạt lại cho chị N. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Trần Thị Bích N không có văn bản trả lời cho Tòa án về yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Ngọc T, cũng như không đến tham gia tố tụng tại Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Chị Trần Thị Bích N theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Phạm Ngọc T và chị Trần Thị Bích N kết hôn năm 2017 tại phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, giấy kết hôn số 85/2017. Đến năm 2021 thì chị Trần Thị Bích N đi xuất khẩu lao động ở Nga, anh T đã liên lạc nhiều lần để hỏi địa chỉ nhưng chị N không cung cấp. Tòa án đã gửi các thông báo thụ lý vụ án, các công văn yêu cầu chị N cho người thân của chị N để chuyển cho chị N. Nhưng chị N không trả lời và được coi như chị N đã từ chối việc khai báo trước Tòa. Xét vợ chồng anh T và chị N không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không có tình cảm thương yêu nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận cho anh Phạm Ngọc T được ly hôn với chị Trần Thị Bích N là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh Phạm Ngọc T xác định không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Ngọc T phải chịu 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho Anh Phạm Ngọc T được ly hôn với chị Trần Thị Bích N.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh Phạm Ngọc T xác định không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số: 0000013 ngày 12/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế).

4. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Ngọc T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án và chị Trần Thị Bích N ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ

ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Cục THADS tỉnh TT-Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hưng Bính